TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST-DS	

Phan Thiết, ngày 26 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn B - sinh năm 1961

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thành phố P, Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Khu phố 01, phường B, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Nguyễn Vi V, sinh năm 1977, nơi cư trú: Khu phố 01, phường B, Tp P, tỉnh Bình Thuận theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương, số công chứng: 4980, quyển số: 05TP/CC-SCC/HĐGD.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: Khu tập thể 36ha, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1959

Nơi cư trú: Khu phố 13, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn M, xã H, huyện H, Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn B, sinh năm 1961, Nơi cư trú: Khu phố 03, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2018 tại Văn phòng công chứng Viễn Đông, số công chứng: 4980, quyển số: 05TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn M, xã H, huyện H, Bình Thuận.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Khu phố 08, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Khu phố 06, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

7. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Khu phố 14, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nội dung: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị A chết cùng ngày 07/7/1989, ông bà có 09 người con gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn S, Nguyễn B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn B. Khi chết ông bà để lại một căn nhà và diện tích đất 132m^2 tọa lạc tại số 08 Thủ Khoa Huân, thành phố P nhưng không để lại di chúc.

Các bên thỏa thuận giao toàn bộ nhà và diện tích đất 132m^2 tọa lạc tại số 08 Thủ Khoa Huân, thành phố P cho bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sở hữu và định đoạt (Nhà và đất này đã được UBND thành phố Phan Thiết cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 481867 ngày 31/8/2007)

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn B số tiền 250.000.000 *(Hai trăm năm mươi triệu)* đồng, ông Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 *(Hai trăm năm mươi triệu)* đồng, ông Nguyễn Văn S số tiền 450.000.000 *(Bốn trăm năm mươi triệu)* đồng, ông Nguyễn Văn B số tiền 250.000.000 *(Hai trăm năm mươi triệu)* đồng và bà Nguyễn Thị T số tiền 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng.

Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T từ chối không nhận di sản thừa kế.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn B được miễn án phí theo quy định. Ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B mỗi người phải nộp 6.250.000 *(Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn S phải nộp 11.000.000 *(Mười một triệu)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T phải nộp 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp. PT;*
- *Chi cụcTHADS Tp. PT;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THANH HÒA